

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIỂU MẪU ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ II
XÃ NAM CHÍNH
NĂM 2021**

Nam Chính, ngày 01 tháng 07 năm 2021

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai đầu tư công quý II năm 2021

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại trụ sở UBND xã Nam Chính, thành phần gồm có:

1. Ông Trần Văn Xuyên: Chủ tịch UBND xã
2. Ông Vương Thừa Vũ: Phó chủ tịch UBND xã
3. Ông Đinh Văn Hồng: Công chức Tư pháp – Hộ tịch.
4. Bà Nguyễn Thị Dung: Công chức Tài chính - Kế toán xã
5. Ông: Lê Quang Cường : Công chức Văn phòng – Thống kê
6. Bà: Trần Thị Liên: Thanh tra nhân dân xã

Đã tiến hành kiểm tra, xác định các biểu mẫu công khai đầu tư công quý II năm 2021.

Thời gian công khai: 15 ngày, từ ngày 01/07/2021-15/07/2021

Địa điểm công khai: Tại phòng trực tiếp dân UBND xã Nam Chính.

Biên bản được lập thành 03 bản nhau, gửi phòng Tài chính – Kế hoạch 01 bản; Công khai tại phòng tiếp dân 01 bản; lưu kế toán 01 bản.

Người lập biên bản
(ký, ghi rõ họ tên)

Dung
Nguyễn Thị Dung

TM. UBND XÃ
(ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN XUYẾN

Các thành viên
(ký, ghi rõ họ tên)

Liên
Trần Thị Liên
Dung
Nguyễn Thị Dung
Cường
Lê Quang Cường
Đạt
Đạt và Hợp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM CHÍNH**

Số: 25/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Chính, ngày 01 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu đầu tư công
Quý II năm 2021 của xã Nam Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CHÍNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện đầu tư công quý I năm 2021 của xã Nam Chính (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

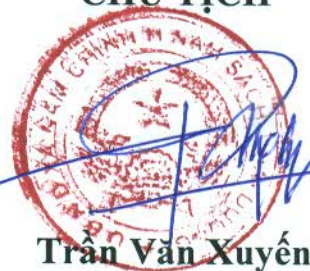
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Kế toán - tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**


Trần Văn Xuyên

TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSĐP
THUỘC NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021 ⁽¹⁾

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn UBND tỉnh giao	Kế hoạch vốn UBND cấp huyện, cấp xã đã giao		Chênh lệch tăng, giảm (-) so với UBND tỉnh giao	Ghi chú
			Tổng số	Tr.đó, đã phân bổ chi tiết		
A	B	1	2	3	4=2-1	5
	TỔNG SỐ	2,270,000.00	2,270,000.00	2,000,000.00	2,000,000.00	
I	Vốn ngân sách cấp huyện	2,000,000.00	2,000,000.00	2,000,000.00	2,000,000.00	
1	Vốn XD CB tập trung					
2	Vốn thu tiền sử dụng đất	2,000,000.00	2,000,000.00	2,000,000.00	2,000,000.00	
3	Các nguồn vốn đầu tư công khác					
II	Vốn ngân sách cấp xã	270,000.00	270,000.00	0.00	0.00	
1	Vốn thu tiền sử dụng đất	270,000.00	270,000.00			
2	Các nguồn vốn đầu tư công khác					

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẾN NGÀY 31/12/2020 ĐÃ HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG NHƯNG CHƯA BỐ TRÍ ĐỦ VỐN

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư (lần cuối)	Tổng giá trị khối lượng hoàn thành (theo giá trị quyết toán, quyết toán A- B...)	Lũy kế vốn đã giao từ khởi công đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành sau năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021 đã phân bổ	Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành còn lại	Ghi chú (dự án đã quyết toán ghi "QT"; đã quyết toán A-B ghi "OT"
A	B	1	2	3	4	5=3-4	6	7=5-6	8
	TỔNG SỐ		48,640.4	39,351.6	32,234.1	7,117.5	2,000.0	9,612.0	
I	Dự án vốn ngân sách cấp huyện đầu tư								
I.1	Các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới								
I.2	Các dự án khác còn lại								
II	Dự án vốn ngân sách cấp xã đầu tư		48,640.4	39,351.6	32,234.1	7,117.5	2,000.0	9,612.0	
II.1	Các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới								
II.2	Các dự án khác còn lại		48,640.4	39,351.6	32,234.1	7,117.5	2,000.0	9,612.0	
1	Đường giao thông		15,405.8	9,819.8	7,323.9	2,495.8	1,000.0	5,990.8	-
-	Đường giao thông nông thôn xã Nam Chính (đoạn từ nhà tường niệm Bác hồ đến trụ sở UBND xã)	9/2017-12/2017	1224	1101.6	1,048.9	52.7		52.7	
-	Đường vào UBND xã Nam Chính (Đoạn từ nhà Tường niệm đến trụ sở UBND xã HM: Mở rộng lề đường,bó vỉa,chiếu sáng)	4/2018-7/2018	772.9	695.63	550.00	145.6		145.6	
-	Xây mới kè đường thôn Bạch Tây , thôn An Thường xã Nam Chính	11/2018-12/2018	620.9	558.82	450.0	108.8		108.8	
-	Cải tạo nâng cấp đường GT từ khu TN Hồ Chí Minh đến giáp An Sơn	10/2019-5/2020	8,293.0	7,463.70	5,275.0	2,188.7		2,188.7	

ST T	Danh mục dự án	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư (lần cuối)	Tổng giá trị khối lượng hoàn thành (theo giá trị quyết toán, quyết toán A- B...)	Lũy kế vốn đã giao từ khởi công đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành sau năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021 đã phân bổ	Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành còn lại	Ghi chú (dự án đã quyết toán ghi "QT"; đã quyết toán A-B phi "OT"
-	Nâng cấp cải tạo đường GTNT Bạch Tây - Hoàng Xá	02/2021-5/2021	4,495.0				1,000.0	3,495.0	
2	Trường học		6,949.4	6,619.3	6,273.3	346.0	-	346.0	-
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường MN - Kim Bạch	6/2006-11/2006	1,152.00	1,111.6	1,074.98	36.6		36.6	
-	Công trình phụ trợ Trường MN -Kim Bạch	12/2007-2/2008	680.20	640.82	625.80	15.0		15.0	
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học	8/2003-2/2004	922.00	853.46	805.10	48.4		48.4	
-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường Tiểu học	9/2004-1/2005	459.00	508.30	493.36	14.9		14.9	
-	Công trình phụ Trường Tiểu học	9/2004-1/2005	474.00	487.30	469.90	17.4		17.4	
-	Nhà lớp học 2 T 4P Trường Trung học cơ sở	4/2004-8/2004	764.00	701.50	683.20	18.3		18.3	
-	Xây dựng mở rộng trường TH- THCS xã Nam Chính	3/2019-8/2019	2,498.17	2,316.4	2,121.00	195.4		195.4	
3	Trụ sở, hội trường UBND xã		2,741.2	2,605.0	2,391.0	214.1		214.1	
-	Xây dựng tầng 3 TSLV - HĐND -UBND xã Nam Chính(Chưa QT)	10/2011-6/2012	1,476.0	1,467.04	1,452.98	14.1		14.1	
-	Cải tạo nâng cấp sân bồn hoa rãnh thoát nước	9-2018 -2/2019	1,265.2	1,138.00	938.0	200.0		200.0	
4	Trạm y tế		5,611.0	4,917.5	4,896.1	21.4	-	21.4	

ST T	Danh mục dự án	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư (lần cuối)	Tổng giá trị khối lượng hoàn thành (theo giá trị quyết toán, quyết toán A- B...)	Lũy kế vốn đã giao từ khởi công đến hết năm 2020	Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành sau năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021 đã phân bổ	Nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành còn lại	Ghi chú (dự án đã quyết toán ghi "QT"; đã quyết toán A-B ghi "OT"
-	Nhà làm việc 2 tầng các công trình phụ Trạm y tế xã Nam	10/2011-6/2012	4,653.3	4,014.740	3,999.835	14.9		14.9	
-	Các công trình phụ Trạm y tế xã Nam Chính	6/2012-8/2012	957.7	902.789	896.29	6.5		6.5	
5	Sân vận động		4,965.0	4,352.2	4,307.0	45.2	-	45.2	
-	Sân Vận động trung tâm xã	8/2016-6/2017	4,965	4,352.2	4,307.0	45.2		45.2	
6	Công trình khác		12,968.1	11,037.7	7,042.7	3,995.0	1,000.0	2,994.5	
	Hạ tầng kỹ thuật KDC thôn Trại Thượng		3,074.0	2,758.8	2,424.9	334.0		334.0	
-	Bể bơi các công trình phụ trường Tiểu học	9/2009-10/2010	2,758.40	2,758.40	2,747.54	10.9		10.9	
	Bãi Rác hợp vệ sinh	11/2012-3/2012	770.69	670.00	661.53	8.5		8.5	
-	Kiên cố hoá kênh mương KC Trung tâm	2/2004-4/2004	699.00	699.00	668.80	30.2		30.2	
	KCH kênh mương KC công đảng -BĐ	2/2005-5/2005	471.00	467.00	442.00	25.0		25.0	
-	KCH kênh mương nội đồng xã Nam Chính	12/2020-3/2021	5,035.00	3,524.50		3,524.5	1,000.0	2,524.0	
	Lập DT-TK đường GT nông thôn 5 thôn		160	160	98.0	62.0		62.0	

Đơn vị tính: 1000

[illegible]

